

<b>25. Kinh Bẫy Mồi</b>	<b>25. The Bait</b> <b>(Nivāpa Sutta)</b>
Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: <b>TT. Thích Nhật Từ</b> )	A Summary of the Sutta (Author: <b>Bhikkhu Bodhi</b> )
<p><b>25. Kinh Bẫy mồi</b> (P. <i>Nivāpasuttaṃ</i>, H. 撒餌經) tương đương <i>Lập sư kinh</i>.<sup>28</sup> Với ẩn dụ con nai, đức Phật mô tả con người sở dĩ bị khổ đau là do bị vướng dính vào các cái bẫy thế gian, đó là dính bẫy do hưởng thụ, dính bẫy do gặp nghịch cảnh mà không đủ sức vượt qua và dính bẫy do lòng tham lam. Để sống vô ngại, thông dong giữa đời, người tu tập cần đề cao chánh niệm, tỉnh thức, tu 4 thiền định để không bị vướng chấp bất kỳ điều gì trên đời.</p>	<p><b>25. Nivāpa Sutta: The Bait.</b> The Buddha uses the analogy of deer-trappers to make known to the bhikkhus the obstacles that confront them in their effort to escape from Māra's control.</p>
Viết Dịch từ Pāli: <b>HT. Thích Minh Châu</b>	English Translation from Pāli: <b>Bhikkhu Ñāṇamoli &amp; Bhikkhu Bodhi</b>
<p>Như vậy tôi nghe.          Một thời Thế Tôn ở Sāvattthī, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).</p> <p>Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". -- "Bạch Thế Tôn", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:</p> <p>-- Chư Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi khi gieo đồ mồi cho đàn nai không nghĩ rằng: "Ta gieo đồ mồi này cho đoàn nai ăn để đàn ấy được sống lâu, được tốt đẹp thêm và được nuôi dưỡng lâu dài hơn".</p> <p>Chư Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi khi gieo đồ mồi cho đàn nai nghĩ rằng: "Ta gieo đồ mồi này cho đàn nai, để đàn này xâm nhập, tham đắm ăn các món ăn.</p>	<p>1. <b>THUS HAVE I HEARD.</b> On one occasion the Blessed One was living at Sāvattthī in Jeta's Grove, Anāthapiṇḍika's Park.</p> <p>There he addressed the bhikkhus thus: "Bhikkhus." — "Venerable sir," they replied. The Blessed One said this:</p> <p>2. "Bhikkhus, a deer-trapper does not lay down bait for a deer herd intending thus: 'May the deer herd enjoy this bait that I have laid down and so be long-lived and handsome and endure for a long time.'</p> <p>A deer-trapper lays down bait for a deer herd intending thus: 'The deer herd will eat food unwarily by going right in amongst the bait that I have laid down;</p>

Sau khi xâm nhập, tham đắm ăn các món ăn, chúng trở thành mê loạn; do mê loạn, chúng trở thành phóng dật; do phóng dật chúng trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn, giữa các đồ mồi này".

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đàn nai đầu tiên xâm nhập, tham đắm, ăn các đồ mồi này do người thợ săn bày mồi gieo ra.

Chúng xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi, nên trở thành mê loạn. Do mê loạn, chúng trở thành phóng dật. Do phóng dật, chúng trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi này của người thợ săn bày mồi.

Chư Tỷ-kheo, như vậy đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bày mồi.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đàn nai thứ hai suy nghĩ như sau: "Đàn nai đầu tiên này xâm nhập, tham đắm, ăn các đồ mồi này do người thợ săn bày mồi gieo ra.

Chúng ở đây xâm nhập, tham đắm, ăn các đồ mồi, nên trở thành mê loạn. Do mê loạn, chúng trở thành phóng dật. Do phóng dật, chúng trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi này của người thợ săn bày mồi.

Như vậy, đàn nai đầu tiên không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bày mồi.

Vậy chúng ta hãy hoàn toàn từ bỏ các đồ mồi, từ bỏ các vật dụng đáng sợ hãi, đi sâu vào rừng và an trú". Rồi đàn nai ấy hoàn toàn từ bỏ các đồ mồi, từ bỏ các vật dụng đáng sợ hãi, đi sâu vào rừng và an trú.

Cuối tháng mùa hạ, cỏ nước khan hiếm, thân hình đàn nai ấy trở thành hết sức gầy yếu. Vì thân hình đàn nai ấy

by so doing they will become intoxicated; when they are intoxicated, they will fall into negligence; when they are negligent, I can do with them as I like on account of this bait.'

3. "Now the deer of the first herd ate food unwarily by going right in amongst the bait that the deer-trapper had laid down;

by so doing they became intoxicated; when they were intoxicated, they fell into negligence; when they were negligent, the deer-trapper did with them as he liked on account of that bait.

That is how the deer of the first herd failed to get free from the deer-trapper's power and control.

4. "Now the deer of a second herd reckoned thus: 'The deer of that first herd, by acting as they did without precaution, [152] failed to get free from the deer-trapper's power and control.

Suppose we altogether shun that bait food; shunning that fearful enjoyment, let us go out into the forest wilds and live there.' And they did so.

But in the last month of the hot season when the grass and the water were used up, their bodies were reduced to

trở thành hết sức gầy yếu, sức lực của chúng bị kiệt quệ.

Vì sức lực bị kiệt quệ, đàn nai ấy trở lại các đồ mồi của người thợ săn bẫy mồi gieo ra. Chúng ở đây xâm nhập, tham đắm, ăn các đồ mồi.

Vì chúng ở đây xâm nhập, tham đắm, ăn các đồ mồi, nên trở thành mê loạn. Do mê loạn, chúng trở thành phóng dật. Do phóng dật, chúng trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi.

Như vậy đàn nai thứ hai không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đàn nai thứ ba suy nghĩ như sau: "Đàn nai đầu tiên này xâm nhập tham đắm, ăn các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi gieo ra.

Chúng ở đây xâm nhập, tham đắm, ăn các đồ mồi, nên trở thành mê loạn. Do mê loạn, chúng trở thành phóng dật. Do phóng dật, chúng trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi.

Như vậy, đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

Còn đàn nai thứ hai này suy nghĩ như sau: "Đàn nai đầu tiên này xâm nhập, tham đắm, ăn các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi... (như trên)... Như vậy đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

Vậy chúng ta hãy hoàn toàn từ bỏ các món ăn bẫy mồi, từ bỏ các vật dụng đáng sợ hãi, đi sâu vào rừng và an trú". Rồi đàn nai ấy hoàn toàn từ bỏ các món ăn bẫy mồi, từ bỏ các vật dụng đáng sợ hãi, đi sâu vào rừng và an trú.

extreme emaciation; with that they lost their strength and energy;

when they had lost their strength and energy, they returned to that same bait that the deer-trapper had laid down. They ate food unwarily by going right in amongst it.

By so doing they became intoxicated; when they were intoxicated they fell into negligence; when they were negligent, the deer-trapper did with them as he liked on account of that bait.

And that is how the deer of the second herd also failed to get free from the deer-trapper's power and control.

5. "Now the deer of a third herd reckoned thus: 'The deer of that first herd, by acting as they did without precaution, failed to get free from the deer-trapper's power and control.

The deer of that second herd, by reckoning how the deer of the first herd had failed and by planning and acting as they did with the precaution of going to live in the forest wilds, also failed to get free from the deer-trapper's power and control.

Cuối tháng mùa hạ, cỏ nước khan hiếm, thân hình đàn nai ấy trở thành hết sức gầy yếu. Vì thân hình đàn nai ấy trở thành hết sức gầy yếu, sức lực của chúng bị kiệt quệ. Vì sức lực bị kiệt quệ, đàn nai ấy trở lại các đồ mồi ấy do người thợ săn bẫy mồi gieo ra. Chúng ở đây xâm nhập tham đắm ăn các đồ mồi.

Vì chúng ở đây xâm nhập tham đắm ăn các đồ mồi, nên trở thành mê loạn. Do mê loạn, chúng trở thành phóng dật. Do phóng dật, chúng trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Như vậy đàn nai thứ hai không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

Nay chúng ta hãy làm một chỗ ẩn nấp gần các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Sau khi làm chỗ ẩn nấp xong, không xâm nhập, không tham đắm, chúng ta sẽ ăn các đồ mồi ấy do người thợ săn bẫy mồi gieo ra.

Vì không xâm nhập không tham đắm ăn các món ăn, chúng ta sẽ không mê loạn. Do không mê loạn, chúng ta sẽ không phóng dật. Do không phóng dật, chúng ta sẽ không trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi của người thợ săn bẫy mồi".

Rồi chúng làm một chỗ ẩn nấp gần các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Sau khi làm chỗ ẩn nấp xong, không xâm nhập, không tham đắm, chúng ăn các đồ mồi ấy do người thợ săn bẫy mồi gieo ra.

Vì không xâm nhập, không tham đắm ăn các món ăn, nên chúng không mê loạn. Do không mê loạn, chúng không phóng dật. Do không phóng dật, chúng không trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi này

Suppose we make our dwelling place within range of the deer-trapper's bait. [153] Then, having done so, we shall eat food not unwarily and without going right in amongst the bait that the deer-trapper has laid down;

by doing so we shall not become intoxicated; when we are not intoxicated, we shall not fall into negligence; when we are not negligent, the deer-trapper shall not do with us as he likes on account of that bait.'

And they did so.

của người thợ săn bẫy mồi.

-- Ở đây, này các Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi và quyến thuộc người thợ săn bẫy mồi suy nghĩ như sau: "Đàn nai thứ ba này thật tinh khôn, xảo quyệt. Đàn nai thứ ba này thật có thần lực và ma quái. Chúng ăn các đồ mồi được gieo ra này, mà chúng ta không được biết đường đi lối về của chúng.

Vậy chúng ta hãy bao vây xung quanh các đồ mồi được gieo này, với những cây cột to lớn và những bẫy sập cùng khắp mọi nơi. Rồi chúng ta có thể thấy được chỗ ẩn nấp của đàn nai thứ ba này, chỗ chúng có thể đi để lấy đồ ăn".

Rồi họ bao vây xung quanh các đồ mồi được gieo này với những cây cột to lớn và những bẫy sập cùng khắp mọi nơi.

Này các Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi và những người quyến thuộc người thợ săn bẫy mồi thấy được chỗ ẩn nấp của đàn nai thứ ba, chỗ chúng đi để lấy đồ ăn. Như vậy này các Tỷ-kheo, đàn nai thứ ba này không thoát được như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đàn nai thứ tư suy nghĩ như sau: "Đàn nai đầu tiên này xâm nhập tham đắm, ăn các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi... (như trên)... Như vậy đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

Còn đàn nai thứ hai này suy nghĩ như sau: "Đàn nai đầu tiên này xâm nhập tham đắm, ăn các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi... (như trên)... Như vậy đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Vậy chúng ta hãy... (như trên)...". Như vậy đàn nai thứ hai này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

"But then the deer-trapper and his following considered thus: 'These deer of this third herd are as cunning and crafty as wizards and sorcerers. They eat the bait laid down without our knowing how they come and go.

Suppose we have the bait that is laid down completely surrounded all round over a wide area with wicker hurdles; then perhaps we might see the third deer herd's dwelling place, where they go to hide.'

They did so,

and they saw the third herd's dwelling place, where they went to hide. And that is how the deer of the third herd also failed to get free from the deer-trapper's power and control.

6. "Now the deer of a fourth herd reckoned thus: 'The deer of that first herd, by acting as they did without precaution, failed to get free from the deer-trapper's power and control.

The deer of that second herd, by reckoning how the deer of the first herd had failed and by planning and acting as they did with the precaution of going to live in the forest wilds, also failed to get free from the deer-trapper's power and control.



Đàn nai thứ ba suy nghĩ như sau: "Đàn nai đầu tiên xâm nhập tham đắm, ăn các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi... (như trên)... Như vậy đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Còn đàn nai thứ hai này suy nghĩ như sau: "Đàn nai đầu tiên này xâm nhập tham đắm ăn các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi..."

Như vậy, đàn nai đầu tiên này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi. Vậy chúng ta hãy... (như trên)..." Như vậy đàn nai thứ hai này không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

Vậy chúng ta hãy làm một chỗ ẩn nấp gần các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Sau khi làm chỗ ẩn nấp xong, không xâm nhập, không tham đắm chúng ta sẽ ăn các đồ mồi ấy do người thợ săn gieo ra.

Vì không xâm nhập, không tham đắm, ăn các món ăn, chúng ta sẽ không mê loạn. Do không mê loạn, chúng ta sẽ không phóng dật. Do không phóng dật, chúng ta sẽ không trở thành những vị bị làm theo ý người ta muốn giữa những đồ mồi của người thợ săn bẫy mồi".

Rồi chúng làm một chỗ ẩn nấp gần các đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi. Sau khi làm chỗ ẩn nấp xong, không xâm nhập, không tham đắm, chúng ăn các đồ mồi ấy do người thợ săn gieo ra.

Vì không xâm nhập, không tham đắm ăn các món ăn, chúng không mê loạn. Do không mê loạn, chúng không phóng dật. Do không phóng dật, chúng không trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa những đồ mồi này của người thợ săn bẫy mồi.

And the deer of that third herd, by reckoning how the deer of the first herd [154] and also the deer of the second herd had failed, and by planning and acting as they did with the precaution of making their dwelling place within range of the deer-trapper's bait, also failed to get free from the deer-trapper's power and control.

Suppose we make our dwelling place where the deer-trapper and his following cannot go. Then, having done so, we shall eat food not unwarily and without going right in amongst the bait that the deer-trapper has laid down;

by doing so we shall not become intoxicated; when we are not intoxicated, we shall not fall into negligence; when we are not negligent, [155] the deer-trapper shall not do with us as he likes on account of that bait.'

And they did so.

Ở đây, người thợ săn bẫy mồi và những quyền thuộc của người ấy suy nghĩ như sau: "Đàn nai thứ ba này thật tinh khôn, xảo quyệt. Đàn nai thứ ba này thật có thần lực và ma quái. Chúng ăn các đồ mồi được gieo ra mà chúng ta không được biết đường đi lối về của chúng.

Vậy chúng ta hãy bao vây xung quanh các đồ mồi được gieo này với những cây cột to lớn và những bẫy sập cùng khắp mọi nơi. Rồi chúng ta có thể thấy được chỗ ẩn nấp của đàn nai thứ ba này, chỗ chúng có thể đi để lấy đồ ăn".

Rồi họ bao vây xung quanh các đồ mồi được gieo này với những cây cột to lớn và những bẫy sập cùng khắp mọi nơi.

Người thợ săn bẫy mồi và những quyền thuộc của người ấy thấy được chỗ ẩn nấp của đàn nai thứ ba, chỗ chúng đi để lấy đồ ăn. Như vậy đàn nai thứ ba ấy đã không thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

Vậy chúng ta hãy làm một chỗ ẩn nấp, tại một nơi mà người thợ săn bẫy mồi và những quyền thuộc của người ấy không thể đến được. Làm chỗ ẩn nấp tại đó xong, không xâm nhập, không tham đắm, chúng ta sẽ ăn các đồ mồi do người thợ săn bẫy mồi gieo ra.

Vì không xâm nhập, không tham đắm ăn các món ăn, chúng ta sẽ không mê loạn. Do không mê loạn, chúng ta sẽ không phóng dật. Do không phóng dật, chúng ta sẽ không trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi của người thợ săn bẫy mồi".

Rồi đàn nai thứ tư làm một chỗ ẩn nấp tại một nơi mà người thợ săn bẫy mồi và những quyền thuộc của người ấy không thể đến được. Làm chỗ ẩn nấp tại đó xong, không

xâm nhập, không tham đắm, chúng ăn các đồ mồi do người thợ săn bày mồi gieo ra.

Vì không xâm nhập, không tham đắm ăn các món ăn, chúng không trở thành mê loạn. Do không mê loạn, chúng không trở thành phóng dật. Do không phóng dật, chúng không trở thành những vật bị làm theo ý người ta muốn giữa các đồ mồi của người thợ săn bày mồi.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người thợ săn bày mồi và những quyến thuộc của người ấy suy nghĩ như sau: "Đàn nai thứ tư này thật tinh khôn, xảo quyệt. Đàn nai thứ tư này thật có thần lực và ma quái. Và chúng ăn các đồ mồi được gieo ra mà chúng ta không biết được đường đi lối về của chúng.

Vậy chúng ta hãy bao vây xung quanh các đồ mồi được gieo này với những cây cột to lớn và những lũy sập cùng khắp mọi nơi. Rồi chúng ta có thể thấy được chỗ ẩn nấp của đàn nai thứ tư này, chỗ chúng có thể đi để lấy đồ ăn".

Rồi họ bao vây xung quanh các đồ mồi được gieo này với những cây cột to lớn và những lũy sập cùng khắp mọi nơi. Nhưng này các Tỷ-kheo, người thợ săn bày mồi và những quyến thuộc của người ấy đã không thấy được chỗ ẩn nấp của đàn nai thứ tư này, chỗ chúng có thể đi để lấy đồ ăn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người thợ săn và những quyến thuộc của người ấy lại suy nghĩ như sau: "Nếu chúng ta đánh phá đàn nai thứ tư này, chúng bị đánh phá sẽ đánh phá các đàn nai khác; các đàn nai khác bị đánh phá sẽ đánh phá các đàn nai khác nữa. Như vậy toàn thể đàn nai sẽ từ bỏ các đồ mồi được gieo này. Vậy chúng ta chớ có can thiệp vào đàn nai thứ tư".

"But then the deer-trapper and his following considered thus: 'These deer of this fourth herd are as cunning and crafty as wizards and sorcerers. They eat the bait laid down without our knowing how they come and go.

Suppose we have the bait that is laid down completely surrounded all round over a wide area with wicker hurdles; then perhaps we might see the fourth deer herd's dwelling place, where they go to hide.'

They did so, but they did not see the fourth deer herd's dwelling place, where they went to hide.

Then the deer-hunter and his following considered thus: 'If we scare the fourth deer herd, being scared they will alert others, and so the deer herds will all desert this bait that we have laid down. Suppose we treat the fourth deer herd with indifference.'

They did so. And that was how the deer of the fourth deer herd got free from the deer-trapper's power and control.



Này các Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi và những quuyến thuộc của người ấy không can thiệp vào đàn nai thứ tư. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đàn nai thứ tư đã thoát khỏi như ý lực của người thợ săn bẫy mồi.

Này các Tỷ-kheo, tỷ dụ này được Ta dùng để giải thích ý nghĩa. Và ý nghĩa ở đây là như sau:

Chư Tỷ-kheo, đồ mồi đồng nghĩa với năm dục trường dưỡng.

Chư Tỷ-kheo, người thợ săn bẫy mồi đồng nghĩa với Ác ma.

Chư Tỷ-kheo, các quuyến thuộc của người thợ săn bẫy mồi đồng nghĩa với quuyến thuộc của Ác ma.

Chư Tỷ-kheo, các đàn nai đồng nghĩa với các Sa-môn, Bà-la-môn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian.

Ở đây, họ xâm nhập, tham đắm ăn các món ăn, nên trở thành mê loạn; vì mê loạn, họ trở thành phóng dật; vì phóng dật, họ trở thành những người bị làm theo ý Ác ma muốn giữa các đồ mồi này và giữa các vật dụng thế gian.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này không thoát được như ý lực của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này giống như đàn nai đầu tiên trong thí dụ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai suy nghĩ như sau: "Hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này đã xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra, và các vật dụng thế gian.

7. "Bhikkhus, I have given this simile in order to convey a meaning. This is the meaning:

'Bait' is a term for the five cords of sensual pleasure.

'Deer-trapper' is a term for Māra the Evil One.

'The deer-trapper's following' is a term for Māra's following.

'Deer herd' is a term for recluses and brahmins.

8. "Now recluses and brahmins of the first kind ate food unwarily by going right in amongst the bait and the material things of the world that Māra had laid down; [156]

by so doing they became intoxicated; when they were intoxicated, they fell into negligence; when they were negligent, Māra did with them as he liked on account of that bait and those material things of the world.

That is how the recluses and brahmins of the first kind failed to get free from Māra's power and control.

Those recluses and brahmins, I say, are just like the deer of the first herd.

9. "Now recluses and brahmins of the second kind reckoned thus:

'Those recluses and brahmins of the first kind, by acting as they did without precaution, failed to get free from Māra's

Ở đây, họ xâm nhập, tham đắm ăn các món ăn, nên trở thành mê loạn; vì mê loạn, họ trở thành phóng dật; vì phóng dật, họ trở thành những người bị làm theo ý Ác ma muốn giữa các đồ mồi ấy và giữa các vật dụng thế gian. Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này đã không thoát khỏi như ý lực của Ác ma.

Vậy, chúng ta hãy hoàn toàn từ bỏ các đồ mồi và các vật dụng thế gian, từ bỏ các vật dụng đáng sợ hãi, đi sâu vào rừng và an trú".

Họ hoàn toàn từ bỏ các đồ mồi, các vật dụng thế gian, từ bỏ các vật dụng đáng sợ hãi, đi sâu vào rừng và an trú.

Ở đây, họ trở thành những người ăn cỏ lúa, ăn lúa tẻ, những người ăn gạo lức, những người ăn hạt cải Nivara, những người ăn da vụn, những người ăn trấu, những người ăn nước bột gạo, những người ăn hạt vừng, những người ăn cỏ, những người ăn phân bò,

những người ăn trái cây, những người ăn rễ cây trong rừng, những người ăn trái cây rụng để sống.

Cuối tháng mùa hạ, cỏ nước trở thành khan hiếm, thân hình của hạng Sa-môn, Bà-la-môn ấy trở thành hết sức gầy yếu.

Vì thân hình hạng Sa-môn, Bà-la-môn ấy trở thành hết sức gầy yếu, nên sức lực tinh tấn của họ bị kiệt quệ.

Vì sức lực tinh tấn bị kiệt quệ, nên tâm giải thoát bị kiệt quệ. Vì tâm giải thoát bị kiệt quệ, họ trở lui lại các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian.

Ở đây, họ xâm nhập, tham đắm ăn các món ăn. Do ở đây xâm nhập, tham đắm ăn các món ăn, chúng trở thành mê loạn. Do mê loạn, họ trở thành phóng dật.

power and control.

Suppose we altogether shun that bait food and those material things of the world; shunning that fearful enjoyment, let us go out into the forest wilds and live there.'

And they did so.

There they were eaters of greens or millet or wild rice or hide-parings or moss or rice-bran or the discarded scum of boiled rice or sesamum flour or grass or cowdung;

they lived on forest roots and fruits, they fed on fallen fruits.

"But in the last month of the hot season when the grass and the water were used up, their bodies were reduced to extreme emaciation;

with that they lost their strength and energy; when they had lost their strength and energy, they lost their deliverance of mind;<sup>293</sup>

with the loss of their deliverance of mind, they returned to that same bait that Māra had laid down and those material things of the world;

they ate food unwarily by going right in amongst it; by so doing they became intoxicated; when they were intoxicated, they fell into negligence;

Do phóng dật, họ trở thành những người bị làm theo ý Ác ma muốn giữa các đồ mồi này và giữa các vật dụng thế gian.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai này đã không thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai này giống như đàn nai thứ hai trong ví dụ này.

Này các Tỷ-kheo, ở đây hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba suy nghĩ như sau: "Hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi được Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian... (như trên)... Như vậy hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này đã không thoát khỏi như ý lực của Ác ma.

Hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai suy nghĩ như sau: "Hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra, và các vật dụng thế gian... (như trên)... Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn đầu tiên này đã không thoát khỏi như ý lực của Ác ma.

Vậy chúng ta hãy hoàn toàn từ bỏ các đồ mồi... (như trên)... chúng ta từ bỏ hoàn toàn các đồ mồi... (như trên)..."... Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai này cũng không thoát khỏi như ý lực của Ác ma.

Vậy chúng ta hãy làm một chỗ ẩn nấp gần các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian. Ở đây, sau khi làm một chỗ ẩn nấp xong, không xâm nhập, không tham đắm, chúng ta sẽ ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian.

Do không xâm nhập, không tham đắm ăn các món ăn, chúng ta sẽ không trở thành mê loạn. Do không mê loạn, chúng ta sẽ không trở thành phóng dật. Do không phóng

when they were negligent, Māra did with them as he liked on account of that bait and those material things of the world.

That is how those recluses and brahmins of the second kind failed to get free from Māra's power and control. [157] Those recluses and brahmins, I say, are just like the deer of the second herd.

10. "Now recluses and brahmins of the third kind reckoned thus: 'Those recluses and brahmins of the first kind, by acting as they did without precaution, failed to get free from Māra's power and control.

Those recluses and brahmins of the second kind, by reckoning how the recluses and brahmins of the first kind had failed, and then planning and acting as they did with the precaution of going to live in the forest wilds, also failed to get free from Māra's power and control.

Suppose we make our dwelling place within range of that bait that Māra has laid down and those material things of the world.

Then, having done so, we shall eat food not unwarily and without going right in amongst the bait that Māra has laid down and the material things of the world.

dật, chúng ta sẽ không trở thành những người bị làm theo Ác ma muốn, giữa các đồ mồi và các vật dụng thế gian."

Hạng Sa-môn, Bà-la-môn này làm chỗ ẩn nấp gần các đồ mồi do Ác ma gieo ra và giữa các vật dụng thế gian.

Sau khi làm chỗ ẩn nấp ở đây xong, họ không xâm nhập, không tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian.

Không xâm nhập, không tham đắm, họ không ăn các đồ mồi nên không trở thành mê loạn. Do không mê loạn, họ không trở thành phóng dật. Do không phóng dật, họ không trở thành những người bị làm theo Ác ma muốn giữa các đồ mồi và các vật dụng thế gian.

Nhưng rồi họ có những tà kiến như sau: "Thế giới là thường còn; thế giới là không thường còn; thế giới là hữu biên; thế giới là vô biên;

mạng sống và thân thể là một; mạng sống và thân thể là khác;

Như Lai sau khi chết có tồn tại; Như Lai sau khi chết không tồn tại; Như Lai sau khi chết có tồn tại và không tồn tại; Như Lai sau khi chết không tồn tại và không không tồn tại".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba này đã không thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba này giống như đàn nai thứ ba trong ví dụ này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ tư suy nghĩ như sau: "Hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất xâm nhập, tham đắm ăn các đồ mồi của Ác ma và các vật dụng thế gian... như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn này không

By doing so we shall not become intoxicated; when we are not intoxicated, we shall not fall into negligence; when we are not negligent, Māra shall not do with us as he likes on account of that bait and those material things of the world.'

And they did so.

"But then they came to hold views such as 'the world is eternal' and 'the world is not eternal' and 'the world is finite' and 'the world is infinite' and

'the soul and the body are the same' and 'the soul is one thing and the body another' and

'after death a Tathāgata exists' and 'after death a Tathāgata does not exist' and 'after death a Tathāgata both exists and does not exist' and 'after death a Tathāgata neither exists nor does not exist.'<sup>294</sup> [158]

That is how those recluses and brahmins of the third kind failed to get free from Māra's power and control. Those recluses and brahmins, I say, are just like the deer of the third herd.

11. "Now recluses and brahmins of the fourth kind reckoned thus: 'Those recluses and brahmins of the first kind, by acting as they did without precaution, failed to get free from Māra's power and control.

thoát khỏi như ý lực của Ác ma.

Hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai suy nghĩ như sau: "Hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất... (như trên)... Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ nhất không thoát được như ý lực của Ác ma. Vậy, chúng ta hãy từ bỏ hoàn toàn các món ăn bầy mồi... (như trên)...". Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ hai không thoát khỏi như ý lực của Ác ma.

Hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba suy nghĩ như sau: "... (như trên)... Như vậy, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ ba không thoát khỏi như ý lực của Ác ma.

Vậy chúng ta hãy làm chỗ ẩn nấp tại một nơi mà Ác ma và Ác ma quyến thuộc không thể đến được. Làm chỗ ẩn nấp ở đấy xong, chúng ta sẽ không xâm nhập, không tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian.

Không xâm nhập, không tham đắm ăn các đồ ăn nên chúng ta không trở thành mê loạn. Do không mê loạn, chúng ta không trở thành phóng dật. Do không phóng dật, chúng ta không trở thành những người bị làm theo Ác ma muốn, giữa các đồ mồi và các vật dụng thế gian".

Rồi họ làm chỗ ẩn nấp tại một nơi mà Ác ma và Ác ma quyến thuộc không thể đến được. Làm chỗ ẩn nấp ở đấy xong, họ không xâm nhập, không tham đắm ăn các đồ mồi do Ác ma gieo ra và các vật dụng thế gian.

Không xâm nhập, không tham đắm ăn các đồ mồi do Ác

Those recluses and brahmins of the second kind, by reckoning how the recluses and brahmins of the first kind had failed, and by planning and acting as they did with the precaution of going to live in the forest wilds, also failed to get free from Māra's power and control.

And the recluses and brahmins of the third kind, by reckoning how the recluses and brahmins of the first kind and also the recluses and brahmins of the second kind had failed, and by planning and acting as they did with the precaution of making their dwelling place within range of the bait that Māra had laid down and the material things of the world, also failed to get free from Māra's power and control.

Suppose we make our dwelling place where Māra and his following cannot go. Then, having done so, we shall eat food not unwarily and without going right in amongst the bait that Māra has laid down and the material things of the world.

By doing so we shall not become intoxicated; when we are not intoxicated, we shall not fall into negligence; when we are not negligent, Māra shall not do with us as he likes on account of that bait and those material things of the world.'

And they did so. [159]



ma gieo ra và các vật dụng thế gian, nên họ không trở thành mê loạn. Do không mê loạn, họ không trở thành phóng dật. Do không phóng dật, họ không trở thành những người bị làm theo. Ác ma muốn giữa các đồ mồi và các vật dụng thế gian.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ tư đã thoát khỏi như ý lực của Ác ma. Này các Tỷ-kheo, Ta nói hạng Sa-môn, Bà-la-môn thứ tư này giống như đàn nai thứ tư trong ví dụ này.

Này các Tỷ-kheo, sao gọi là Ác ma và Ác ma quyến thuộc không thể đến được? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.

Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Tỷ-kheo làm Ác ma mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Như vậy gọi là vị Tỷ-kheo làm Ác ma mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.

Như vậy gọi là Tỷ-kheo... (như trên)... đường đi lối về.

And that is how those recluses and brahmins of the fourth kind got free from Māra's power and control. Those recluses and brahmins, I say, are just like the deer of the fourth herd.

12. "And where is it that Māra and his following cannot go? Here, quite secluded from sensual pleasures, secluded from unwholesome states, a bhikkhu enters upon and abides in the first jhāna, which is accompanied by applied and sustained thought, with rapture and pleasure born of seclusion.

This bhikkhu is said to have blindfolded Māra, to have become invisible to the Evil One by depriving Māra's eye of its opportunity.<sup>295</sup>

13. "Again, with the stilling of applied and sustained thought, a bhikkhu enters upon and abides in the second jhāna, which has self-confidence and singleness of mind without applied and sustained thought, with rapture and pleasure born of concentration.

This bhikkhu is said to have blindfolded Māra...

14. "Again, with the fading away as well of rapture, a bhikkhu abides in equanimity, and mindful and fully aware, still feeling pleasure with the body, he enters upon and abides in the third jhāna, on account of which the noble ones announce: 'He has a pleasant abiding who has



Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Như vậy gọi là Tỷ-kheo... (như trên)... đường đi lối về.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng. Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ.

Như vậy gọi là Tỷ-kheo... (như trên)... đường đi lối về.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ.

Như vậy, gọi là vị Tỷ-kheo... (như trên)... đường đi lối về.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có một vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ.

Như vậy gọi là Tỷ-kheo... (như trên)... đường đi lối về.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Như vậy gọi là vị Tỷ-kheo... (như trên)... đường đi lối về.

equanimity and is mindful.'

This bhikkhu is said to have blindfolded Māra...

15. "Again, with the abandoning of pleasure and pain, and with the previous disappearance of joy and grief, a bhikkhu enters upon and abides in the fourth jhāna, which has neither-pain-nor-pleasure and purity of mindfulness due to equanimity.

This bhikkhu is said to have blindfolded Māra...

16. "Again, with the complete surmounting of perceptions of form, with the disappearance of perceptions of sensory impact, with non-attention to perceptions of diversity, aware that 'space is infinite,' a bhikkhu enters upon and abides in the base of infinite space.

This bhikkhu is said to have blindfolded Māra...

17. "Again, by completely surmounting the base of infinite space, aware that 'consciousness is infinite,' a bhikkhu enters upon and abides in the base of infinite consciousness.

This bhikkhu is said to have blindfolded Māra...

18. "Again, by completely surmounting the base of infinite consciousness, [160] aware that 'there is nothing,' a bhikkhu enters upon and abides in the base of nothingness.

This bhikkhu is said to have blindfolded Māra...

19. "Again, by completely surmounting the base of nothingness, a bhikkhu enters upon and abides in the base of neither-perception-nor-non-perception.

This bhikkhu is said to have blindfolded Māra, to have become invisible to the Evil One by depriving Māra's eye of

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng (định), sau khi thấy (mọi vật) với trí tuệ, các lậu hoặc được diệt trừ.

Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Tỷ-kheo làm Ác mà mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về. Vị ấy đã vượt khỏi tham trước ở đời.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

its opportunity.

20. “Again, by completely surmounting the base of neither-perception-nor-non-perception, a bhikkhu enters upon and abides in the cessation of perception and feeling. And his taints are destroyed by his seeing with wisdom.

This bhikkhu is said to have blindfolded Māra, to have become invisible to the Evil One by depriving Māra’s eye of its opportunity, and to have crossed beyond attachment to the world.”<sup>296</sup>

That is what the Blessed One said. The bhikkhus were satisfied and delighted in the Blessed One’s words.

### Notes

The bracketed numbers [ ] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society’s edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the Sutta Nipāta).

293. *Cetovimutti*: MA explains that they simply abandoned their resolution to live in the wilds, though it could well be that these ascetics had attained—and lost—the eight meditative attainments that are usually implied by the term *cetovimutti*.

294. These are the ten speculative views debated by the ascetic philosophers of the Buddha’s age. All were rejected by the Buddha as being unconnected with the fundamentals of the holy life and unconducive to liberation from suffering. See MN 63, MN 72.

295. The eight meditative attainments here must be understood, as MA explains, as bases for insight. When a bhikkhu has entered such a jhāna, Māra cannot see how his mind is proceeding. This immunity from Māra's influence, however, is as yet only temporary.

296. This last bhikkhu, by destroying the taints, has become not only temporarily invisible to Māra but permanently inaccessible to him. On the cessation of perception and feeling, see Introduction, p. 41.